

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 2327 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 27 tháng 06 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc và điều chỉnh giao đất tái định cư cho một số hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Khu vực 1, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 4320/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 4607/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/05/2023 của UBND tỉnh ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 4777/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 741/TTr-STNMT ngày 27/6/2024 và đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại văn bản số 84/TTr-HĐBT và số 85/TTr-HĐBT ngày 30/5/2024.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc và điều chỉnh giao đất tái định cư cho một số hộ gia đình bị ảnh

hưởng do GPMB thực hiện dự án Khu vực 1, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là 103.122.000 đồng, trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung: 101.100.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 2.022.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 202.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở TN&MT là 141.000 đồng)

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).

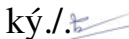
3. Về điều chỉnh bố trí tái định cư

a. Thu hồi lô đất tái định cư số 25d1 - Khu TDC-03, đường ĐS18, lộ giới 14m, Khu vực 1, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, diện tích 50,0m<sup>2</sup> đã giao cho hộ bà Phan Thị Mười theo Quyết định số 4777/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.


b. Bố trí giao lại cho hộ bà Phan Thị Mười (địa chỉ: thôn Quang Hy, xã Phước Lộc) lô đất số 22 - Khu ODT-LK04, đường ĐS8, lộ giới 13m thuộc Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, diện tích 85m<sup>2</sup>; tiền sử dụng đất phải nộp là 580.900.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4777/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /: 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b) 

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**



**PHỤ LỤC 2**

**ĐIỀU CHỈNH GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CHO 01 HỘ GIA ĐÌNH DO GPMB  
DỰ ÁN KHU VỰC 1, KHU DÂN CƯ DỌC QUỐC LỘ 19 MỚI, XÃ PHƯỚC LỘC, HUYỆN TUY PHƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng.

Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích đất ở bị thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giao đất tái định cư cho hộ đã được phê duyệt tại Quyết định số 4777/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh				Điều chỉnh giao đất tái định cư và tiền sử dụng đất hộ phải nộp						
			Lô đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC	Đơn giá đất ở sát giá thị trường	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp	Lô đất	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC	Đơn giá đất ở sát giá thị trường	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp
Phan Thị Mươi	thôn Quang Hy	44,5	Lô số 25d1-Khu TDC-03, Đường ĐS18, lộ giới 14m	50,0	4.500.000	6.300.000	234.900.000	Lô số 22-Khu ODT-LK04, Đường ĐS8, lộ giới 13m	Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	85	5.500.000	8.300.000	580.900.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>50,0</b>			<b>234.900.000</b>		<b>40,5</b>	<b>85,0</b>			<b>580.900.000</b>



**PHỤ LỤC**  
**BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB**  
**Dự án: Khu vực 1, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước**  
**(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)**

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất vườn thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất không được bồi thường (m <sup>2</sup> )	Lô đất tái định cư được giao				Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m <sup>2</sup> )	Diện tích giao đất TĐC vượt diện tích đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)
									Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m <sup>2</sup> )					
	(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(d)	(e)	(f)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)x(6)+(7)x(8)
<b>I</b>	<b>Các trường hợp được bố trí tái định cư theo đúng quy hoạch phân lô</b>				<b>394,0</b>	<b>394,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>				<b>400,0</b>	<b>388,0</b>		<b>12,0</b>		<b>2.080.000.000</b>
1	Đào Văn An, vợ Huỳnh Thị Minh	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	644	1	92,00	92,00			5d	ODT-LK06	ĐS2 (14m)	100	92,00	5.000.000	8,00	7.500.000	520.000.000
2	Võ Văn Cường, vợ Trần Thị Lệ Minh	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	288	1	103,00	103,00			28	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	100	100,00	5.000.000	0,00	7.500.000	500.000.000
3	Nguyễn Thanh Phương	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	287	1	103,00	103,0			44	ODT-LK06	ĐS4 (16,5m)	100	100,00	5.500.000	0,00	8.300.000	550.000.000
4	Thái Văn Thuận, vợ Nguyễn Thị Mỹ Hiệp	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	668	2	96,00	96,0			27	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	100	96,00	5.000.000	4,00	7.500.000	510.000.000
<b>II</b>	<b>Các trường hợp được bố trí tái định cư theo quy hoạch phân lô điều chỉnh</b>				<b>4.622,2</b>	<b>3.562,2</b>	<b>710,0</b>	<b>350,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>3.740,0</b>	<b>3.562,2</b>		<b>177,8</b>		<b>19.639.190.000</b>
<b>II.1</b>	<b>* Đối với các hộ có diện tích đất ở bị thu hồi từ trên 110m<sup>2</sup> - 150m<sup>2</sup> được bố trí lô đất tái định cư có diện tích 150m<sup>2</sup></b>																<b>13.346.050.000</b>
5	Phạm Việt Quang, vợ Huỳnh Thị Mỹ Hương	Thôn Phú Mỹ 1, xã Phước Lộc	394	1	145,20	145,20			4d	ODT-LK06	ĐS2 (14m)	150	145,20	5.000.000	4,80	7.500.000	762.000.000
6	Nguyễn Văn Tám	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	395	1	150,00	150,00			17d	ODT-LK06	ĐS4 (14m)	150	150,00	5.000.000		7.500.000	750.000.000
7	Huỳnh Tấn Đạt, vợ Nguyễn Thị Thu Ba	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	396	1	150,00	150,00			15d	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	150	150,00	5.000.000	0,00	7.500.000	750.000.000
8	Phạm Vinh Phúc, vợ Trần Thị Lệ	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	436	1	168,00	150,00		18,0	12d	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	150	150,00	5.000.000	0,00	7.500.000	750.000.000

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất vườn thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất không được bồi thường (m <sup>2</sup> )	Lô đất tái định cư được giao				Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m <sup>2</sup> )	Diện tích giao đất TĐC vượt diện tích đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)
									Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m <sup>2</sup> )					
9	Hồ Thân Anh, vợ Nguyễn Thị Lộc	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	435	1	169,00	150,00		19,0	13d	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	150	150,00	5.000.000	0,00	7.500.000	750.000.000
10	Hồ Văn Thắng, vợ Nguyễn Thị Long	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	398	1	150,00	150,00			54d	ODT-LK06	ĐS4 (16,5m)	150	150,00	5.500.000	0,00	8.300.000	825.000.000
11	Nguyễn Minh Chương, vợ Võ Thị Bích Hồng	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	402	1	173,90	150,00		23,9	45d	ODT-LK06	ĐS4 (16,5m)	150	150,00	5.500.000	0,00	8.300.000	825.000.000
12	Nguyễn Ngọc Nhâm, vợ Lê Thị Thanh Phương	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	697	2	150,00	150,0			14d	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	150	150,00	5.000.000	0,00	7.500.000	750.000.000
13	Huỳnh Văn Sinh, vợ Nguyễn Thị Như Thoa	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	397	1	150,00	150,00			46d	ODT-LK06	ĐS4 (16,5m)	150	150,00	5.500.000	0,00	8.300.000	825.000.000
14	Nguyễn Văn Thái, vợ Lê Thị Em	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	401	1	249,90	150,0		99,9	18d	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	150	150,00	5.000.000	0,00	7.500.000	750.000.000
15	Hồ Bửu Thanh Hiếu, vợ Trần Thị Thúy	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	647	1	150,00	150,0			29d	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	150	150,00	5.000.000	0,00	7.500.000	750.000.000
16	Đào Xuân Hạnh, vợ Hồ Thị Gái	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	646	1	150,00	150,0			30d	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	150	150,00	5.000.000	0,00	7.500.000	750.000.000
17	Phan Trọng Thuận, vợ Võ Thị Thanh Hà	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	698	2	150,00	150,0			13d	ODT-LK04	ĐS3 (14m)	150	150,00	5.000.000	0,00	7.500.000	750.000.000
18	Nguyễn Ngọc Vũ, vợ Nguyễn Thị Diệu	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	696	2	145,90	145,9			58d	ODT-LK06	ĐS4 (14m)	150	145,90	5.000.000	4,10	7.500.000	760.250.000
19	Nguyễn Thanh Đào, vợ Trần Thị Kim Liễu	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	695	2	150,00	150,0			56d	ODT-LK06	ĐS4 (14m)	150	150,00	5.000.000	0,00	7.500.000	750.000.000
20	Nguyễn Xuân Hạ	255 Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức	699	2	115,00	115,0			49d	ODT-LK06	ĐS4 (16,5m)	150	115,00	5.500.000	35,00	8.300.000	923.000.000
21	Nguyễn Ngọc Vũ, vợ Nguyễn Thị Diệu	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	667	2	114,00	114,0			50d	ODT-LK06	ĐS4 (16,5m)	150	114,00	5.500.000	36,00	8.300.000	925.800.000

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất vườn thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất không được bồi thường (m <sup>2</sup> )	Lô đất tái định cư được giao				Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m <sup>2</sup> )	Diện tích giao đất TĐC vượt diện tích đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)
									Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m <sup>2</sup> )					
<b>II.2</b>	<b>Đối với các hộ có diện tích đất ở bị thu hồi từ trên 150m<sup>2</sup> – 200m<sup>2</sup> được bố trí lô đất tái định cư có diện tích 200m<sup>2</sup></b>																<b>6.293.140.000</b>
22	Huỳnh Nguyên Đệ, vợ Nguyễn Thị Hồng	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	399	1	178,70	178,70			33d	ODT-LK06	ĐS6 (16m)	190	178,70	5.500.000	11,30	8.300.000	1.076.640.000
23	Hồ Ngọc Giảng, vợ Trịnh Thị Ngọc Hà	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	405	1	176,70	176,70			10d	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	200	176,70	5.000.000	23,30	7.500.000	1.058.250.000
24	Trương Xuân Đông	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	404	1	166,40	166,4			11d	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	200	166,40	5.000.000	33,60	7.500.000	1.084.000.000
25	Trương Thị Tuyết, chồng Nguyễn Văn Phúc	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	434	1	171,60	171,60			19d	ODT-LK06	ĐS3 (14m)	200	171,60	5.000.000	28,40	7.500.000	1.071.000.000
26	Lưu Quang Minh	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	602	1	198,70	198,7			59d	ODT-LK06	ĐS4 (14m)	200	198,70	5.000.000	1,30	7.500.000	1.003.250.000
27	Trương Thị Khanh	Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc	601	1	1.099,2	200,0	710,0	189,2	60d	ODT-LK06	ĐS4 (14m)	200	200,00	5.000.000	0,00	7.500.000	1.000.000.000
<b>Tổng cộng: (I)+(II)</b>					<b>5.016,2</b>	<b>3.956,2</b>	<b>710,0</b>	<b>350,0</b>				<b>4.140,0</b>	<b>3.950,2</b>		<b>189,8</b>		<b>21.719.190.000</b>